

Số: /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 18 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc;

Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định mức chi đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện thuộc Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 150/TTr-SKHCN ngày 12/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Đại học Thái Nguyên;
- Báo và Phát thanh, truyền hình TN;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh: đ/c Tuấn;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

Thaidh/QĐ28

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

CHƯƠNG TRÌNH
HỖ TRỢ TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP TỈNH THÁI NGUYÊN
NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi chung là năng suất chất lượng) trên cơ sở áp dụng đồng bộ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, chương trình bảo đảm đo lường, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và các giải pháp quản trị hiện đại; tạo chuyển biến thực chất về năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, năng lực cạnh tranh, khả năng tham gia chuỗi giá trị và đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện và nhân rộng các mô hình điểm về năng suất chất lượng theo ngành, lĩnh vực, nhóm sản phẩm và chuỗi giá trị của tỉnh; thúc đẩy tổ chức, doanh nghiệp chuyển mạnh từ tư duy “đạt chuẩn” sang “vượt chuẩn”, từ quản lý chất lượng đơn lẻ sang quản trị năng suất chất lượng tổng thể, dựa trên dữ liệu, đo lường, tiêu chuẩn hóa, đổi mới sáng tạo và cải tiến liên tục.

- Góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng, gia tăng tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP), thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa; từng bước đưa năng suất chất lượng trở thành động lực quan trọng cho phát triển nhanh, bền vững, hiện đại và hội nhập của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Hỗ trợ tối thiểu 300 tổ chức, doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, chuyển đổi số, sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh, sản xuất xanh, sản xuất tinh gọn, đổi mới sáng tạo và các giải pháp quản trị hiện đại; hỗ trợ tối thiểu 350 tổ chức, doanh nghiệp xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; hỗ trợ tối thiểu 50 tổ chức, doanh nghiệp triển khai chương trình

đảm bảo đo lường, nâng cao năng lực kiểm soát chất lượng, giảm tổn thất, tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng và chi phí sản xuất¹.

- Xây dựng, hoàn thiện và nhân rộng tối thiểu 10 mô hình điểm về năng suất chất lượng theo ngành, lĩnh vực, nhóm sản phẩm và chuỗi giá trị của tỉnh.

- Tối thiểu 90% tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ từ Chương trình được đánh giá có cải thiện về năng suất, chất lượng và hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; trong đó tối thiểu 70% số chỉ tiêu cam kết trong phương án hỗ trợ được hoàn thành sau 12 tháng kể từ thời điểm áp dụng giải pháp hỗ trợ.

- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng cho tối thiểu 2.000 lượt người thuộc các tổ chức, doanh nghiệp; hình thành mạng lưới tối thiểu 100 chuyên gia nòng cốt cấp tỉnh về năng suất chất lượng, trong đó có ít nhất 20 chuyên gia được chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế.

- Tối thiểu 05 tổ chức, doanh nghiệp của tỉnh đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

- Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt trên 55%.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Thông tin, truyền thông, tôn vinh, nhân rộng điển hình và thúc đẩy phong trào năng suất chất lượng

a) Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực của các cấp, các ngành, tổ chức, doanh nghiệp và người lao động về vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của năng suất chất lượng đối với nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, chất lượng tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các chương trình, cơ chế, chính sách hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh về nâng cao năng suất chất lượng; giới thiệu, phổ biến các mô hình, phương pháp, công cụ, giải pháp, kinh nghiệm, kết quả và điển hình tiên tiến trong nước và quốc tế về nâng cao năng suất chất lượng.

c) Đa dạng hóa các hình thức truyền thông thông qua hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm, tập huấn, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tin bài trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số, mạng xã hội và các hình thức truyền thông phù hợp khác; xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu, tài liệu, ấn phẩm và các sản phẩm truyền thông về năng suất chất lượng phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng.

¹ Các chỉ tiêu nêu trên được theo dõi theo từng nhóm nội dung hỗ trợ; một tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã được hỗ trợ nhiều nội dung thì được tính vào các chỉ tiêu tương ứng; không cộng gộp số lượng của 03 chỉ tiêu để xác định tổng số đối tượng thụ hưởng duy nhất của Chương trình.

d) Tổ chức các hoạt động tôn vinh, khen thưởng, giới thiệu và nhân rộng các mô hình, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tiêu biểu trong áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng; hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia và các hoạt động tôn vinh, đánh giá, công nhận khác về năng suất chất lượng theo quy định.

đ) Khuyến khích, thúc đẩy hình thành và phát triển phong trào năng suất chất lượng trong các ngành, lĩnh vực, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp; từng bước xây dựng văn hóa năng suất chất lượng, văn hóa đổi mới sáng tạo và cải tiến liên tục trên địa bàn tỉnh.

2. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực và hình thành mạng lưới chuyên gia nòng cốt về năng suất chất lượng

a) Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, lãnh đạo doanh nghiệp, cán bộ kỹ thuật, cán bộ phụ trách chất lượng, chuyên gia tư vấn, giảng viên, người lao động và các đối tượng liên quan; tập trung vào các nội dung về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, chuyển đổi số, sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh, sản xuất xanh, sản xuất tinh gọn, truy xuất nguồn gốc, bảo đảm đo lường, đổi mới sáng tạo và các giải pháp quản trị hiện đại.

b) Đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo theo hướng bám sát nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và yêu cầu phát triển của từng ngành, lĩnh vực; tăng cường đào tạo theo chuyên đề, đào tạo chuyên sâu, đào tạo thực hành; chú trọng đào tạo đội ngũ nhân lực có khả năng tổ chức triển khai, duy trì và nhân rộng các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng tại cơ sở.

c) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ chuyên gia, tư vấn viên, cán bộ nòng cốt về năng suất chất lượng; khuyến khích tham gia các chương trình đào tạo, đánh giá, công nhận và cấp chứng nhận chuyên gia theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế và các chương trình chuyên môn phù hợp; từng bước hình thành đội ngũ chuyên gia nòng cốt có năng lực chuyên môn, kỹ năng tư vấn, khả năng tổ chức triển khai, duy trì và nhân rộng các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng tại doanh nghiệp; đồng thời tăng cường kết nối, chia sẻ tri thức, kinh nghiệm với các cơ quan trung ương, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo, tổ chức tư vấn, chuyên gia trong và ngoài nước.

3. Hỗ trợ áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng

a) Tổ chức điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng và mức độ áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng của tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về năng suất chất lượng; phân tích, xác định nhu cầu hỗ trợ, các hạn chế, tồn tại, điểm nghẽn và cơ hội cải tiến theo từng ngành, lĩnh vực, nhóm sản phẩm và chuỗi giá trị; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất chất lượng đến năm 2030 làm cơ sở xây dựng

kế hoạch hỗ trợ, lựa chọn đối tượng thụ hưởng, xây dựng mô hình điểm và đánh giá hiệu quả thực hiện Chương trình.

b) Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp áp dụng đồng bộ hoặc từng phần các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng phù hợp với quy mô, trình độ công nghệ, đặc điểm sản xuất, kinh doanh và yêu cầu phát triển của từng ngành, lĩnh vực; tập trung vào việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, chuyển đổi số, sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh, sản xuất xanh, sản xuất tinh gọn, đổi mới sáng tạo và các giải pháp quản trị hiện đại nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia chuỗi giá trị.

c) Hỗ trợ xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giám sát, kết nối và chia sẻ dữ liệu truy xuất nguồn gốc; nâng cao tính minh bạch, khả năng nhận diện, kiểm soát chất lượng, bảo đảm an toàn, đáp ứng yêu cầu của thị trường, người tiêu dùng và hội nhập quốc tế.

d) Hỗ trợ triển khai chương trình bảo đảm đo lường tại tổ chức, doanh nghiệp; nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát và bảo đảm chất lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh; tăng cường độ tin cậy của kết quả đo lường, thử nghiệm, kiểm tra; giảm tổn thất, tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng, thời gian và chi phí sản xuất; góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và năng lực cạnh tranh của tổ chức, doanh nghiệp.

đ) Ưu tiên hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực và nhóm sản phẩm có vai trò then chốt đối với tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; trọng tâm là: công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao; công nghiệp hỗ trợ, cơ khí chế tạo; luyện kim, kim loại màu, vật liệu, chế biến sâu khoáng sản; dịch vụ giáo dục, y tế, du lịch, logistics; chè và sản phẩm từ chè; nông sản, thực phẩm, dược liệu, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm làng nghề có lợi thế. Khuyến khích áp dụng đồng bộ các giải pháp nhằm tạo chuyển biến rõ nét về năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.

e) Lựa chọn các tổ chức, doanh nghiệp tiêu biểu để xây dựng, hoàn thiện, đánh giá và nhân rộng các mô hình điểm về năng suất chất lượng theo ngành, lĩnh vực, nhóm sản phẩm và chuỗi giá trị; tập trung hỗ trợ chuyên sâu, đồng bộ và toàn diện nhằm tạo ra các mô hình có hiệu quả nổi trội, có khả năng lan tỏa, chuyển giao và nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh.

g) Theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả áp dụng giải pháp hỗ trợ sau 12 tháng kể từ thời điểm áp dụng, bảo đảm xác định rõ mức độ cải thiện về năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và tỷ lệ hoàn thành các chỉ

tiêu cam kết trong phương án hỗ trợ. Kết quả đánh giá là căn cứ để nghiệm thu, tổng kết, công bố, giới thiệu, nhân rộng các mô hình, giải pháp, kinh nghiệm, thực tiễn tốt; phát hiện, biểu dương, lan tỏa điển hình tiên tiến; đồng thời tổng hợp, phân tích tác động của Chương trình đối với năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nhu cầu dự kiến tổng kinh phí thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 theo đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ là 300 tỷ đồng, gồm: nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên là 250 tỷ đồng; nguồn ngoài ngân sách nhà nước là 50 tỷ đồng (*có Phụ lục 02 đề xuất danh mục nhiệm vụ chủ yếu và dự kiến kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình kèm theo*).

2. Kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Nguồn ngoài ngân sách nhà nước gồm kinh phí đối ứng, đóng góp, tài trợ, viện trợ, hợp tác công tư, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, doanh nghiệp và các nguồn huy động hợp pháp khác; khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp chủ động bố trí nguồn lực tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình; gắn hỗ trợ của Nhà nước với trách nhiệm đối ứng, duy trì, vận hành, cải tiến, nhân rộng và khai thác hiệu quả kết quả sau hỗ trợ.

4. Việc lập, phân bổ, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí của Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành; Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định mức chi đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện thuộc Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm đúng mục tiêu, đúng nội dung, đúng đối tượng, đúng định mức, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp chính sách hỗ trợ.

5. Hàng năm, căn cứ mục tiêu, nội dung, danh mục nhiệm vụ của Chương trình và khả năng cân đối ngân sách, các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao, gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp theo quy định. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì rà soát nội dung chuyên môn, xác định nhiệm vụ ưu tiên; phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết, có sản phẩm đầu ra rõ ràng, khả năng huy động nguồn lực đối ứng, tác động lan tỏa và đóng góp trực tiếp vào việc hoàn thành mục tiêu của Chương trình.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Chủ trì xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hằng năm; tổ chức điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng, nhu cầu hỗ trợ; xây dựng cơ sở dữ liệu về năng suất chất lượng; lựa chọn đối tượng thụ hưởng, mô hình điểm và danh mục nhiệm vụ ưu tiên theo mục tiêu, nội dung của Chương trình.

c) Tổ chức triển khai các hoạt động thông tin, truyền thông, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực; hỗ trợ áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng, truy xuất nguồn gốc, bảo đảm đo lường; xây dựng, hoàn thiện và nhân rộng các mô hình điểm về năng suất chất lượng.

d) Chủ trì theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; tổ chức đánh giá hiệu quả áp dụng các giải pháp hỗ trợ; tổng kết, công bố, giới thiệu, nhân rộng mô hình, giải pháp và điển hình tiên tiến; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

đ) Chủ trì rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình của các cơ quan, đơn vị, địa phương, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật.

3. Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chủ động tổ chức thực hiện các nội dung nâng cao năng suất chất lượng thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ trong triển khai Chương trình, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, hiệu quả; lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ nâng cao năng suất chất lượng vào chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Rà soát, đề xuất nhiệm vụ, lập dự toán, cân đối, bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm được giao và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong xác định nội dung chuyên môn, nhiệm vụ ưu tiên, đối tượng tham gia, sản phẩm đầu ra; phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

c) Tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình; theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện; chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ được giao chủ trì hoặc phối hợp thực hiện; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị về Sở Khoa học và Công nghệ đề tổng hợp.

4. Các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan

a) Chủ động đăng ký tham gia Chương trình; phối hợp cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu phục vụ công tác điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng, xác định nhu cầu hỗ trợ, xây dựng phương án hỗ trợ và đánh giá kết quả thực hiện.

b) Bố trí nguồn lực đối ứng và các điều kiện cần thiết để tiếp nhận, áp dụng, duy trì, cải tiến và nhân rộng các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng; tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết trong phương án hỗ trợ.

c) Phối hợp thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả sau hỗ trợ; báo cáo kết quả thực hiện, mức độ cải thiện về năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và mức độ hoàn thành các chỉ tiêu cam kết; chấp hành việc kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu theo quy định.

5. Chế độ theo dõi, đánh giá và báo cáo

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình có trách nhiệm thực hiện chế độ theo dõi, thống kê, đánh giá và báo cáo theo quy định.

b) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu và hiệu quả của Chương trình; kịp thời đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả tổ chức thực hiện./.

PHỤ LỤC 01**CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP TỈNH THÁI NGUYÊN
NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương thức tính	Cả giai đoạn/ đến năm 2030	2026	2027	2028	2029	2030
1	Tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng	Tổ chức, doanh nghiệp	Theo năm	≥ 300	0	60	100	90	50
2	Tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống truy xuất nguồn gốc	Tổ chức, doanh nghiệp	Theo năm	≥ 350	0	100	110	90	50
3	Tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ triển khai chương trình bảo đảm đo lường	Tổ chức, doanh nghiệp	Theo năm	≥ 50	0	5	20	15	10
4	Mô hình điểm về năng suất chất lượng được xây dựng, hoàn thiện và nhân rộng	Mô hình	Theo năm	≥ 10	0	2	4	3	1
5	Tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ có cải thiện về năng suất, chất lượng và hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh	%	Theo năm	≥ 90	90	90	90	90	90
6	Tổ chức, doanh nghiệp hoàn thành tối thiểu 70% chỉ tiêu cam kết trong phương án hỗ trợ sau 12 tháng kể từ thời điểm áp dụng giải pháp hỗ trợ	%	Theo năm	100	100	100	100	100	100

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương thức tính	Cả giai đoạn/ đến năm 2030	2026	2027	2028	2029	2030
7	Lượt người được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng	Lượt người	Theo năm	≥ 2.000	200	500	500	500	300
8	Chuyên gia nông cốt cấp tỉnh về năng suất chất lượng được hình thành	Chuyên gia	Theo năm	≥ 100	20	20	30	20	10
9	Chuyên gia được chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế	Chuyên gia	Theo năm	≥ 20	0	5	7	5	3
10	Tổ chức, doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia	Tổ chức, doanh nghiệp	Theo năm	≥ 5	0	1	1	2	1
11	Tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026-2030	%	Lũy kế đến hết giai đoạn	>55	-	-	-	-	> 55
12	Cơ sở dữ liệu về năng suất chất lượng của tỉnh được xây dựng, cập nhật và vận hành	Hệ thống	Theo năm	01	Khảo sát, thiết kế	Xây dựng, vận hành	Cập nhật	Cập nhật	Hoàn thiện

Ghi chú: Các chỉ tiêu quy định tại Phụ lục này là căn cứ để xây dựng kế hoạch, giao nhiệm vụ, theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hằng năm và cả giai đoạn 2026 - 2030. Đối với các chỉ tiêu tính theo tỷ lệ (%), kết quả thực hiện được xác định trên cơ sở số tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ và đủ điều kiện tham gia Chương trình theo quy định. Đối với các chỉ tiêu tính theo năm, số liệu phân kỳ là cơ sở để xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện; trong quá trình triển khai có thể điều chỉnh giữa các năm phù hợp với tiến độ thực hiện nhiệm vụ, nhu cầu thực tế của tổ chức, doanh nghiệp và khả năng huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước, nhưng phải bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình đến năm 2030.

PHỤ LỤC 02

ĐỀ XUẤT DANH MỤC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP TỈNH THÁI NGUYÊN NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ, GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 THEO ĐỀ NGHỊ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Danh mục nhiệm vụ	Nội dung trọng tâm	Sản phẩm, kết quả chủ yếu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2026-2030						
						Nguồn ngân sách nhà nước					Nguồn ngoài ngân sách nhà nước	
						Tổng kinh phí	2026	2027	2028	2029		2030
1	Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng; xây dựng, bổ sung, cập nhật cơ sở dữ liệu về năng suất chất lượng theo quy định và hướng dẫn của trung ương	Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng và mức độ áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng của tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; thu thập, chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, truy xuất nguồn gốc, bảo đảm đo lường, chuyển đổi số, sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh, sản xuất xanh, sản xuất tinh gọn,	Báo cáo điều tra, khảo sát và đánh giá thực trạng năng suất chất lượng của tỉnh; báo cáo phân tích nhu cầu hỗ trợ, hạn chế, điểm nghẽn và cơ hội cải tiến; cơ sở dữ liệu về năng suất chất lượng được xây dựng, cập nhật và vận hành; danh mục đối tượng ưu tiên hỗ trợ và mô hình điểm của Chương trình	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; UBND các xã, phường; tổ chức tư vấn; hiệp hội, hội doanh nghiệp; tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	6	0	3	1	1	1	0

		đổi mới sáng tạo và các giải pháp quản trị hiện đại; phân tích nhu cầu hỗ trợ, hạn chế, điểm nghẽn, cơ hội cải tiến theo ngành, lĩnh vực, nhóm sản phẩm và chuỗi giá trị; xây dựng cơ sở dữ liệu về năng suất chất lượng làm căn cứ lựa chọn đối tượng thụ hưởng, mô hình điểm, nhiệm vụ ưu tiên và đánh giá hiệu quả Chương trình										
2	Thông tin, truyền thông, tôn vinh, nhân rộng điển hình và thúc đẩy phong trào năng suất chất lượng	Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật, chương trình hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh về năng suất chất lượng; giới thiệu mô hình, phương pháp, công cụ, giải pháp, kinh nghiệm và điển hình tiên tiến trong nước, quốc tế; đa dạng hóa hình thức truyền thông qua hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tin bài, nền tảng số và các hình thức phù hợp; tổ chức tôn vinh, khen thưởng, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Giải	Các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm, chuyên trang, chuyên mục, tin, bài, phóng sự và sản phẩm truyền thông được xây dựng, phát hành; các mô hình, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tiêu biểu được tôn vinh, giới thiệu và nhân rộng; tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ tham gia và đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia; phong trào năng suất chất lượng được duy trì và phát triển trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; UBND các xã, phường; tổ chức tư vấn; cơ quan báo chí, truyền thông; hiệp hội, hội doanh nghiệp; tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	8	0,3	1	2,5	3,5	0,7	0

		thường Chất lượng Quốc gia; thúc đẩy phong trào nâng suất chất lượng, văn hóa đổi mới sáng tạo và cải tiến liên tục trên địa bàn tỉnh										
3	Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực và hình thành mạng lưới chuyên gia nòng cốt về năng suất chất lượng	Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng cho cán bộ quản lý nhà nước, lãnh đạo doanh nghiệp, cán bộ kỹ thuật, cán bộ phụ trách chất lượng, chuyên gia tư vấn, giảng viên, người lao động và các đối tượng liên quan; tập trung vào tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, chuyển đổi số, sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh, sản xuất xanh, sản xuất tinh gọn, truy xuất nguồn gốc, bảo đảm đo lường, đổi mới sáng tạo và quản trị hiện đại; đổi mới hình thức đào tạo theo chuyên đề, chuyên sâu, thực hành; hỗ trợ đào tạo, đánh giá, công nhận, cấp chứng nhận	Tối thiểu 2.000 lượt người được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng; mạng lưới tối thiểu 100 chuyên gia nòng cốt về năng suất chất lượng được hình thành; tối thiểu 20 chuyên gia được công nhận hoặc cấp chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế; tài liệu, giáo trình, chương trình đào tạo được xây dựng và cập nhật	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; UBND các xã, phường; tổ chức tư vấn; hiệp hội, hội doanh nghiệp; tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	8	0,3	1	2	4	0,7	0

		chuyên gia theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế; hình thành đội ngũ chuyên gia nòng cốt có năng lực tư vấn, triển khai, duy trì và nhân rộng giải pháp tại doanh nghiệp										
4	Hỗ trợ áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng	Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp áp dụng đồng bộ hoặc từng phần các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng phù hợp với quy mô, trình độ công nghệ, đặc điểm sản xuất, kinh doanh và yêu cầu phát triển của từng ngành, lĩnh vực; tập trung vào tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, chuyển đổi số, sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh, sản xuất xanh, sản xuất tinh gọn, đổi mới sáng tạo và các giải pháp quản trị hiện đại; xây dựng phương án hỗ trợ, chỉ tiêu cam kết, sản phẩm đầu ra và cơ chế đánh giá sau hỗ trợ, bảo đảm tạo chuyển biến rõ nét về năng suất lao động, chất	Tối thiểu 300 tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng; các phương án hỗ trợ, hồ sơ tư vấn, báo cáo đánh giá trước và sau hỗ trợ được xây dựng; tối thiểu 90% đối tượng được hỗ trợ có cải thiện về năng suất, chất lượng và hiệu quả hoạt động; tối thiểu 70% chỉ tiêu cam kết trong phương án hỗ trợ được hoàn thành sau 12 tháng kể từ thời điểm áp dụng giải pháp hỗ trợ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; UBND các xã, phường; tổ chức tư vấn; hiệp hội, hội doanh nghiệp; tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	150	0	30	50	45	25	30

		lượng sản phẩm, dịch vụ, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia chuỗi giá trị										
5	Hỗ trợ xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa	Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp xây dựng, áp dụng, duy trì hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giám sát, kết nối, chia sẻ dữ liệu truy xuất nguồn gốc; chuẩn hóa thông tin sản phẩm, quá trình sản xuất, chế biến, lưu thông, phân phối; ưu tiên sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP, chè và sản phẩm từ chè, nông sản, thực phẩm, dược liệu, sản phẩm làng nghề, sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu và sản phẩm tham gia thương mại điện tử; nâng cao tính minh bạch, khả năng nhận diện, kiểm soát chất lượng, bảo đảm an toàn, đáp ứng yêu cầu thị trường, người tiêu dùng và hội nhập quốc tế	Tối thiểu 350 tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống truy xuất nguồn gốc; hệ thống dữ liệu truy xuất nguồn gốc được kết nối, cập nhật và khai thác hiệu quả; năng lực quản lý, nhận diện, kiểm soát chất lượng và minh bạch thông tin sản phẩm được nâng cao	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; UBND các xã, phường; tổ chức tư vấn; hiệp hội, hội doanh nghiệp; tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	35	0	10	9	11	5	10

6	Hỗ trợ triển khai chương trình bảo đảm đo lường	Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp xây dựng, áp dụng và duy trì chương trình bảo đảm đo lường; rà soát, đánh giá hiện trạng hoạt động đo lường, thử nghiệm, kiểm tra, kiểm soát chất lượng; nâng cao năng lực quản lý phương tiện đo, phép đo, quy trình đo, dữ liệu đo và kết quả đo; tăng cường độ tin cậy của kết quả đo lường, thử nghiệm, kiểm tra trong sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ kiểm soát định mức, giảm tổn thất, tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng, thời gian và chi phí sản xuất; góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả sử dụng nguồn lực và năng lực cạnh tranh của tổ chức, doanh nghiệp	Tối thiểu 50 tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ triển khai chương trình bảo đảm đo lường; hệ thống quản lý, kiểm soát hoạt động đo lường được xây dựng hoặc hoàn thiện; năng lực kiểm soát chất lượng, tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng và chi phí sản xuất được cải thiện	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; UBND các xã, phường; tổ chức tư vấn; hiệp hội, hội doanh nghiệp; tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	10	0	1	4	3	2	5
7	Xây dựng, hoàn thiện và nhân rộng mô hình điểm về năng suất chất lượng	Lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp tiêu biểu thuộc ngành, lĩnh vực, nhóm sản phẩm và chuỗi giá trị có vai trò then chốt đối với tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh để xây dựng	Tối thiểu 10 mô hình điểm về năng suất chất lượng được xây dựng, hoàn thiện, đánh giá và nhân rộng; bộ tài liệu hướng dẫn, bài học kinh nghiệm, quy trình	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; UBND các xã, phường; tổ chức tư vấn; hiệp hội, hội doanh nghiệp; tổ	30	0	5	10	10	5	5

		mô hình điểm; ưu tiên công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao; công nghiệp hỗ trợ, cơ khí chế tạo; luyện kim, kim loại màu, vật liệu, chế biến sâu khoáng sản; dịch vụ giáo dục, y tế, du lịch, logistics; chè và sản phẩm từ chè; nông sản, thực phẩm, dược liệu, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm làng nghề có lợi thế; hỗ trợ chuyên sâu, đồng bộ, toàn diện các giải pháp năng suất chất lượng; đánh giá, hoàn thiện, công bố, giới thiệu, chuyển giao và nhân rộng mô hình trên phạm vi toàn tỉnh	triển khai mô hình điểm được xây dựng; các mô hình có hiệu quả nổi trội được công bố, giới thiệu, chuyển giao và nhân rộng trên địa bàn tỉnh		chức, doanh nghiệp có liên quan								
8	Theo dõi, kiểm tra, đánh giá; sơ kết, tổng kết Chương trình	Theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, chất lượng, kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình; đánh giá kết quả áp dụng giải pháp hỗ trợ sau 12 tháng kể từ thời điểm áp dụng, làm rõ mức độ cải thiện về năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và tỷ lệ hoàn	Hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình được vận hành; các báo cáo định kỳ, đột xuất, sơ kết, tổng kết Chương trình được xây dựng; kết quả đánh giá hiệu quả hỗ trợ sau 12 tháng được cập nhật, tổng hợp;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; UBND các xã, phường; tổ chức tư vấn; hiệp hội, hội doanh nghiệp; tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	3	0	0,5	0,5	0,5	1,5	0	

	thành chỉ tiêu cam kết; tổng hợp, phân tích số liệu thực hiện Chương trình gắn với đánh giá tác động đến năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030; tổ chức sơ kết, tổng kết, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình	báo cáo đánh giá tác động của Chương trình đối với năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP của tỉnh được xây dựng; cơ sở dữ liệu, bộ chỉ số theo dõi, đánh giá và các đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách được cập nhật										
TỔNG CỘNG: 300 tỷ đồng. Trong đó: - Nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên: 250 tỷ đồng - Nguồn ngoài ngân sách nhà nước: 50 tỷ đồng					250	0,6	51,5	79	78	40,9	50	

Ghi chú: Kinh phí tại Phụ lục này là kinh phí khái toán, làm căn cứ xây dựng kế hoạch và dự toán hằng năm; việc phân bổ, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong quá trình triển khai, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tiến độ thực hiện, nhu cầu thực tế của tổ chức, doanh nghiệp và mức độ huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước, các nhiệm vụ và cơ cấu kinh phí giữa các năm, giữa các nhóm nhiệm vụ có thể được điều chỉnh cho phù hợp, nhưng phải bảo đảm tổng kinh phí, cơ cấu nguồn vốn, mục tiêu, chỉ tiêu và hiệu quả thực hiện Chương trình đến năm 2030.